TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày: 07/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Công Đường;

Ông Ngô Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **41**/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **49**/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Phước Qu, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2004 tại: huyện D, tỉnh Quảng Nam; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Quang Sơn, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1987; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Ngày 01/3/2023, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt ngày 12/9/2023; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/7/2022, bị UBND xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/12/2023, chuyển tạm giam từ ngày 09/01/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện D; có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

- Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Ông **Nguyễn Tấn H**, sinh năm 1985; địa chỉ: khối phố P, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Ông **Huỳnh Văn Ch**, sinh năm 1967; địa chỉ: khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- **Hợp tác xã Nông nghiệp xã C**; địa chỉ: thôn L, xã P, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Trung N**, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông **Lê Văn Th**, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1971; địa chỉ: khối phố P, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986; nơi thường trú: thôn P, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: thôn N, xã V, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1983; địa chỉ: khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Ông **Thái Minh C**, sinh năm 1955; địa chỉ: khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Ông **Đào Duy T**, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn N, xã V, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Ông **Nguyễn Quang S**, sinh năm 1979; nơi thường trú: thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/3/2023, Nguyễn Phước Qu bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 12 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 12/9/2023, chưa được xóa án tích. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 07/12/2023 đến ngày 30/12/2023, Nguyễn Phước Qu đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Duy Xuyên, cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 07/12/2023, Nguyễn Phước Qu đi bộ từ hướng UBND xã V về phòng trọ tại thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam thì gặp Đào Duy T là bạn của Qu nên xin đi nhờ xe T. Khi đến đoạn Cầu L (thuộc thôn H, xã T, huyện D) thì Qu quan sát thấy có 01 chiếc xe mô tô, hiệu MAJESTY màu xanh biển kiểm soát 92N4-6918 của ông Nguyễn Văn C đang dựng ngay sát Cầu L, trên xe vẫn còn cắm sẵn chìa khóa nên Qu nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên. Khi về đến phòng trọ, Qu tiếp tục nhờ T chở giúp đến nhà một người bạn tên Nghĩa ở gần Cầu L thì T đồng ý. Sau khi được T chở tới nhà N, Qu không vào nhà N mà đi bộ ra lại Cầu L mục đích để xem xe mô tô của ông C còn dựng đó không. Đến nơi, Qu thấy xe mô tô vẫn còn, quan sát xung quanh không thấy ai trông coi nên Qu lén lút lấy trộm xe mô tô trên rồi điều khiển xe đến thị trấn N, huyện D để tìm chỗ bán xe. Khi đến Bưu điện huyện D, Qu nhờ ông Thái Minh C làm nghề xe ôm, đi theo cùng để bán xe mô tô trên rồi chở Qui về nhà thì được ông C đồng ý. Qu điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92N4-6918 đến cơ sở thu mua phế liệu của bà Lê Thị T nhưng do xe không có giấy tờ nên bà T không đồng ý mua. Sau đó, Qu điều khiển xe mô tô đến cơ sở thu mua phế liệu của ông Lê Văn Th để bán thì ông Th đồng ý mua với giá 650.000 đồng. Sau đó, Qu nhờ ông C chở về phòng trọ của mình tại thôn V, xã T rồi trả cho ông C số tiền 30.000 đồng. Số tiền còn lại Qu đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 02/KLĐG-HĐĐGTS ngày 03/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện D, kết luận: 01 xe môtô nhãn hiệu MAJESTY tại thời điểm xảy ra vụ việc trộm cắp có giá trị 1.500.000 đồng.

- **Vụ thứ hai:** Vào sáng ngày 26/12/2023, Nguyễn Phước Qu điều khiển xe DREAM biển kiểm soát 75F5-9911 (xe này thuộc sở hữu của ông Nguyễn Quang S là cha ruột Qu) đến địa bàn thị trấn N đi dạo mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi

đến đoạn sân bóng Chợ C, Qu rẽ vào đường bê tông bên hông phải của sân bóng. Qu thấy tại đây có để bán nhiều cây trồng lớn, dưới gốc cây có để một cái khung sắt phía sau thùng xe ô tô (dài khoảng 196cm, rộng 46cm, dày 4,5cm, bị cong vênh, trên có dán số biển số xe là: 92C-214.22) của anh Nguyễn Tấn H đang đặt tại đây. Quan sát xung quanh không có ai trông coi nên Nguyễn Phước Qu đi lại lén lút lấy khung sắt nói trên rồi bỏ lên xe mô tô biển kiểm soát 75F5-9911 chở xuống cơ sở thu mua phế liệu của bà Lê Thị T bán với giá 160.000 đồng. Số tiền bán tài sản trộm cắp có được, Qu đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 14/KLĐG-HĐĐGTS ngày 26/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện D, kết luận: 01 bửng thùng sau xe ôtô tải được làm bằng kim loại sắt có kích thước: dài 196cm, rộng 46cm, dày 4,5cm, nặng 23 kilogam, tại thời điểm xảy ra vụ việc trộm cắp có giá trị là 161.000 đồng.

- **Vụ thứ ba:** Vào sáng ngày 29/12/2023, Nguyễn Phước Qu điều khiển xe DREAM mang BKS: 75F5-9911 để đi dạo xung quanh mục đích để tìm tài sản trộm cắp. Khi vừa qua cầu B.V, thị trấn N thì Qu đi vào đường bê tông bên hông quán nhậu T.S để tới nghĩa địa "D. G". Tại đây, Qu thấy có một xe rùa loại xe một bánh, làm bằng sắt của ông Huỳnh Văn Ch, Qu quan sát xung quanh không thấy ai trông coi nên đã lấy trộm xe rùa trên bỏ lên xe mô tô chở xuống cơ sở thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị T bán với giá 65.000 đồng. Số tiền bán tài sản có được, Qu đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 13/KLĐG-HĐĐGTS ngày 26/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện D, kết luận: 01 xe rùa loại xe một bánh được làm bằng kim loại, mua mới vào tháng 8/2023, tại thời điểm xảy ra vụ việc trộm cắp có giá trị là 333.200 đồng.

- **Vụ thứ tư:** khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/12/2023, Nguyễn Phước Qu điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75F1- 9911 đi dạo quanh các xã V và P nhằm mục đích tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đi từ Quốc lộ 14H từ V-P, đến đoạn đường gần UBND xã P, Qu thấy bên tay phải hướng đi có trụ sở Hợp tác xã nông nghiệp xã P thấy không có trông coi nên Qu điều khiển xe vào bên trái của HTX để xe rồi đi phía sau trụ sở. Qu thấy cửa sổ bằng gỗ nên dùng tay mở cửa sổ ra thì thấy có một cái mô tơ đang để trên cái ghế nhựa màu đỏ bên trong phòng nhưng có một khung bảo vệ bằng sắt. Qu dùng lai kéo ngã khung bảo vệ bằng sắt của cửa sổ rồi vào phòng, Qu liền lấy cái mô tơ trên rồi ra ngoài bằng lối vào lúc đầu, Qu đem mô tơ trên đến bán cho cơ sở thu mua phế liệu cô B do bà Huỳnh Thị N với giá 190.000 đồng. Số tiền bán mô tơ có được, Qu đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 31/12/2023, Công an xã P mời đến làm việc. Tại đây, Qu đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 01/KLĐG-HĐĐGTS ngày 03/01/2024 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện D, xác định: 01 mô tơ trong máy phát điện hiệu Vinyko MK3.5KW tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là 900.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 43/CT-VKSDX ngày 03/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Nguyễn Phước Qu về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước Qu phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo 15 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét xét.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm loại mũ ¾ màu trắng sữa hiệu Napoli, 01 áo khoác da màu đen, 01 quần jean dài màu xám và 01 đôi dép xỏ ngón thu giữ bị cáo Nguyễn Phước Qu.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Quang S 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 75F5-9911, nhãn hiệu Honda Dream màu đen.

Biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Phước Qu có được từ hành vi trộm cắp tài sản là 1.065.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tất cả khai nhận phù hợp lời khai của bị cáo như đã cung cấp trong giai đoạn điều tra.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Duy Xuyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

{2.1}. Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Xét lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Phước Qu tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra sự việc; kết luận định giá tài sản; vật chứng thu giữ cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 07/12/2023 đến ngày 30/12/2023, bị cáo Nguyễn Phước Qu đã 04 thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện D trong đó trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY của ông Nguyễn Văn C (trú tại thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam) có giá trị là 1.500.000 đồng; 01 bửng sắt thùng sau xe ô tô tải của Nguyễn Tấn H (trú tại khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam) có giá trị là 161.000 đồng; 01 xe rùa của ông Huỳnh Văn Ch (trú tại khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam) có giá trị là 333.200 đồng và 01 mô tơ máy phát điện của Hợp tác xã nông nghiệp xã P có giá trị là 900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo Qu chiếm đoạt là 2.894.200 đồng.

Mặc dù tài sản bị chiếm đoạt trong từng lần đều dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo Nguyễn Phước Qu đã có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo Nguyễn Phước Qu đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp

tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như nội dung truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

{2.2}. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy: Tài sản hợp pháp của tổ chức, công dân được pháp luật bảo hộ, đồng thời xử phạt nghiêm minh những ai có hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản đó. Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp. Phương thức thủ đoạn thực hiện việc phạm tội của bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của các chủ sở hữu trong việc quản lý trông coi tài sản đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi mà bị cáo gây ra là hết sức nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, công dân được pháp luật bảo hộ, mà còn gây ra nhiều tác hại xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo đã bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi "Trộm cắp tài sản", đồng thời có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" mà chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không ăn năn hối cải, lấy đó làm bài học để cải tạo thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp. Vì vậy, theo quy định của pháp luật cần phải xử phạt bị cáo tương xứng với hành vi thực hiện việc phạm tội đã gây ra và nhân thân của bị cáo để có điều kiện cải tạo giáo dục riêng, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Văn Ch và ông Nguyễn Tấn H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

{2.3}. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn Ch, đại diện Hợp tác xã nông nghiệp xã P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, ông Nguyễn Văn H đã tự chuộc lại tài sản bị trộm cắp và ông Huỳnh Văn Ch không yêu cầu bị cáo Nguyễn Phước Qu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{2.4}. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát: 92N4-6918, nhãn hiệu MAJESTY màu xanh cho ông Nguyễn Văn Ch; 01 mô tơ trong máy phát điện hiệu Vikyno MK3.5KW và 01 ghế nhựa màu đỏ có chiều cao 75cm, rộng 36cm cho Hợp tác xã Nông nghiệp xã P nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tang vật của vụ án là 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 75F5-9911, nhãn hiệu Honda Dream màu đen do ông Nguyễn Quang S (là cha ruột bị cáo Qu) làm chủ sở hữu, việc bị cáo Nguyễn Phước Qu sử dụng làm phương tiện phạm tội ông S không biết nên hoàn trả lại cho ông S là phù hợp.

Tang vật của vụ án là 01 mũ bảo hiểm loại mũ ¾ màu trắng sữa hiệu Napoli, 01 áo khoác da màu đen, 01 quần jean dài màu xám và 01 đôi dép xỏ ngón thu giữ của bị cáo Nguyễn Phước Qu. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa bị cáo Qu không yêu cầu trả lại và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

{2.5}. Biện pháp tư pháp và vấn đề liên quan đến vụ án:

- Biện pháp tư pháp: Hội đồng xét xử xét cần truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Phước Qu có được từ hành vi trộm cắp tài sản là 1.065.000 đồng.

- Vấn đề liên quan đến vụ án: Đối với ông (bà) Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị T, Lê Thị T và Lê Văn Th là chủ các cơ sở mua bán phế liệu và mua tài sản trộm cắp của bị cáo Nguyễn Phước Qu nhưng ông (bà) Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị T, Lê Văn T và Lê Văn Th không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm pháp lý là phù hợp.

Đối với Đào Duy T chỉ là người mà bị cáo Nguyễn Phước Qu xin đi nhờ xe để bị cáo phát hiện tài sản trộm cắp nhưng không biết bị cáo Qu thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp nên không xem xét trách nhiệm pháp lý là phù hợp.

Đối với ông Thái Minh C là người lái xe ôm chở bị cáo Nguyễn Phước Qu đi bán tài sản trộm cắp nhưng ông C không biết đây là tài sản do bị cáo Qu trộm cắp nên không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với ông C là phù hợp.

{2.6}. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phước Qu phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Phước Qu** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phước Qu **15** *(Mười lăm)* tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 31/12/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy **01** *(Một)* mũ bảo hiểm loại mũ ¾ màu trắng sữa hiệu Napoli, **01** *(Một)* áo khoác da màu đen, **01** *(Một)* quần jean dài màu xám và **01** *(Một)* đôi dép xỏ ngón.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Quang S **01** *(Một)* chiếc xe mô tô mang biểm kiểm soát: 75F5-9911, nhãn hiệu Honda Dream màu đen.

(Các vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/5/2024).

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Phước Qu có được từ hành vi trộm cắp tài sản là **1.065.000** đồng *(Một triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)*.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Phước Qu phải chịu **200.000** đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xin xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm *(ngày 07/5/2024)*. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản sao bản án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Các cơ quan tiến hành tố tụng;*
- *Chi cục THADS huyện D;*
- *Vụ Giám đốc kiểm tra I;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Tự Soái